

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 11-2018
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hạnh Mỹ và ông Nguyễn Văn Tiến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luyên - Kiểm sát viên

Ngày 21/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2018/TLST - HNGĐ ngày 02/10/2018 về việc: “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị M**, sinh ngày 16/10/ 1987 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn R, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

HKTT: Thôn R, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 25/9/2018, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn - chị Phạm Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng tại thời điểm này chị biết mình chưa đủ tuổi kết hôn nên khi đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N chị đã khai tăng lên 01 tuổi là chị sinh năm 1986 (sự thực là chị sinh ngày 16/10/1987) để đủ tuổi đăng ký kết hôn nên đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 01 năm 2004. Sau khi kết hôn chị và anh Đ chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được khoảng ba năm thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai người không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Đ không quan tâm, lo lắng cho chị và con. Đến nay chị và anh Đ đã sống ly thân được hơn 03 năm. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và Đức không còn, chị không thể chung sống cùng anh Đ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Đ có ba con chung là Phạm Thế A, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2005, Phạm Quang N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2010 và con Phạm Thị Thu H, sinh ngày 04/10/2011. Hiện nay cả 03 con đều đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, cả 03 con đều khỏe mạnh, sinh hoạt và học tập ổn định. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp nuôi dưỡng nuôi con cùng chị.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Phạm Văn Đ nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bố đẻ anh Đ là ông Phạm Quang T và về địa phương để xác minh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 10 năm 2018, ông T trình bày: Anh Đ và chị M lấy nhau là tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào năm 2004. Sau khi kết hôn thì anh chị ấy chung sống cùng ông được khoảng 03 năm thì chuyển sang xã N sinh sống. Quá trình chung sống anh Đ chị M sống hòa thuận được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ và chị M không chung quan điểm sống. Hiện nay anh chị ấy đã sống ly thân mỗi người một nơi, anh chị ấy có 03 con chung là Phạm Thế A, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2005, Phạm Quang N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2010 và con Phạm Thị Thu H, sinh ngày 04/10/2011 đang ở cùng chị M. Nay chị M xin ly hôn anh Đ và có nguyện vọng được nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị đồng thời không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh chị ấy. Quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị M. Hiện nay anh Đ đi làm ăn ở tỉnh ngoài mặc dù có thường xuyên về thăm gia đình nhưng ông cũng không biết hiện tại anh Đ đang làm gì ở địa chỉ nào vì anh Đ không nói

Tại biên bản xác minh ngày 09 tháng 10 năm 2018, UBND xã N cung cấp như sau: Theo như sổ đăng ký kết hôn gốc còn lưu lại tại Ủy ban nhân dân xã N thì anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1977, đăng ký hộ khẩu tại thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình và chị Phạm Thị M, sinh năm 1986, hộ khẩu tại thôn R, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 14/01/2004, cán bộ làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Đ và chị M là ông Trần K hiện nay đã chết.

Tại biên bản xác minh ngày 09 tháng 10 năm 2018, UBND xã N cung cấp như sau: Chị Phạm Thị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã N,

huyện T, tỉnh Thái Bình. Trong sổ được lưu trữ tại Ủy ban nhân xã và chứng minh nhân dân của chị M đều thể hiện chị M sinh ngày 16/10/1987.

Hiện nay anh Phạm Văn Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình nhưng thỉnh thoảng lại đi làm ăn ở nơi khác, khi đi anh Đ không báo cáo với địa phương nên địa phương không biết anh Đ đang ở địa chỉ nào và làm gì .

Anh Đ và chị M đăng Ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã N, sau đó một thời gian thì về xã N để chung sống. Quá trình chung sống có 03 con chung là PhạmThế A, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2005, Phạm Quang N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2010 và con Phạm Thị Thu H, sinh ngày 04/10/2011 hiện nay đang ở cùng chị M. Nay chị M xin ly hôn anh Đ và có nguyện vọng được nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị đồng thời không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh chị ấy. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến của các cháu PhạmThế A, Phạm Quang N và Phạm Thị Thu H: Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 10 năm 2018 thể hiện: Hiện nay cả 03 cháu đang ở cùng chị M và các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị M để thuận lợi trong việc sinh hoạt và học tập.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn là chị M đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là anh Phạm Văn Đ không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị M và anh Phạm Văn Đ. Giao 03 con chung là PhạmThế A, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2005, Phạm Quang N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2010 và con Phạm Thị Thu H, sinh ngày 04/10/2011 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn là chị Phạm Thị M xin ly hôn anh Phạm Văn Đ và xin được nuôi cả ba con chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết yêu cầu của chị M là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Phạm Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh Đ không có mặt tại địa phương, nhưng thường xuyên về thăm gia đình nhưng không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đ nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, chị Phạm Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị M là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M, sinh ngày 16/10/1987 và anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1977 tự nguyện kết hôn với nhau nhưng tại thời điểm kết hôn (14/01/2004) chị Phạm Thị M chưa đủ tuổi kết hôn (16 tuổi 02 tháng 28 ngày) nên chị M đã khai tăng lên một tuổi để Ủy ban nhân dân xã Nam Trung đăng ký kết hôn cho chị và anh Đ do đó đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nay là điểm a khoản 1 Điều 8 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Đến thời điểm xét xử thì chị M đã đủ điều kiện kết hôn nhưng chị M yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh Đ còn anh Đ không có yêu cầu gì. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị M và anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Chị M và anh Đ có 03 con chung là Phạm Thế A, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2005, Phạm Quang N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2010 và con Phạm Thị Thu H, sinh ngày 04/10/2011 hiện đang ở cùng chị M. Nay chị M có nguyện vọng được nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Xét thấy, hiện tại anh Đ không thường xuyên có mặt tại địa phương, bản thân cả 03 con đều có nguyện vọng ở cùng chị M, phía gia đình anh Đ cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị M nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 16, Điều 17 và Điều 92 luật Hôn nhân gia đình năm 2000, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị M và anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Phạm Thế A, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2005, Phạm Quang N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2010 và con Phạm Thị Thu H, sinh ngày 04/10/2011 hiện đang ở cùng chị Phạm Thị M cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị M không yêu cầu anh Phạm Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị, khi nào đương sự có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Anh Phạm Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008844 ngày 02/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Phạm Thị M, anh Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi